

CHI CỤC THUẾ QUẬN 12

THÔNG BÁO

Những điểm mới của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế

Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 6/4/2016 và có hiệu lực thi hành từ 1/7/2016. Trong đó, những điểm mới của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế đã thể hiện được các thông điệp chính sách nhằm đơn giản công tác quản lý thuế, tăng tính khả thi trong tuân thủ pháp luật thuế, đồng thời bảo vệ doanh nghiệp Việt Nam, tạo thuận lợi cho người nộp thuế một cách hợp pháp trong bối cảnh hội nhập kinh tế, quốc tế ngày càng sâu rộng.

Những nội dung mới sửa đổi, bổ sung giúp người nộp thuế được hưởng lợi

Luật số 106/2016/QH13 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế đã sửa đổi một số nội dung quy định về miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, các đối tượng thuộc diện miễn thuế, giảm thuế nhằm chia sẻ khó khăn với DN trong thực hiện nghĩa vụ thuế, tăng niềm tin với người nộp thuế (NNT), đồng thời khắc phục những bất hợp lý của Luật Quản lý thuế trước đây, để giảm bớt khó khăn cho hộ gia đình có thu nhập thấp... Việc sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế tập trung vào các điểm mới sau:

Thứ nhất, Luật số 106/2016/QH13 đã sửa đổi nội dung về miễn, giảm thuế tại Điều 61 của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 áp dụng với NNT sử dụng đất phi nông nghiệp. Theo đó, Luật quy định các trường hợp cơ quan quản lý thuế sẽ thực hiện miễn thuế, giảm thuế đối với các trường hợp thuộc diện miễn thuế, giảm thuế được quy định tại các văn bản pháp luật về thuế. Đồng thời, Luật cũng quy định rõ hơn việc thực hiện miễn thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp hàng năm từ 50.000 đồng trở xuống. Tổng số thuế miễn, giảm theo quy định này hàng năm tuy không đáng kể trong tổng số thu NSNN, nhưng lại có ý nghĩa rất lớn vì đại bộ phận người dân nông thôn, người lao động nghèo ở đô thị sẽ được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và cơ quan thuế cũng giảm được chi phí về nhân lực quản lý để tập trung vào quản lý các nguồn thu khác có hiệu quả hơn.

Thứ hai, nhằm chia sẻ khó khăn với những NNT có ý thức, thái độ tuân thủ pháp luật thuế nhưng hiện tại đang gặp khó khăn về tài chính, cần có thời gian để thu xếp nguồn tiền để nộp dân số thuế nợ, Khoản 4 Điều 92 Luật số 106/2016/QH13 quy định chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế đối với trường hợp NNT đã được cơ quan quản lý thuế cho phép nộp dân tiền nợ thuế trong thời hạn không quá 12 tháng, kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế. Việc nộp dân tiền nợ thuế sẽ được xem xét trên cơ sở đề nghị của NNT gắn với điều kiện là

họ phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng. Để bảo đảm công bằng với NNT chấp hành tốt pháp luật và không nợ thuế, Luật vẫn có quy định NNT phải nộp tiền chậm nộp theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đang được cơ quan thuế cho giãn thời hạn nộp.

Thứ ba, quy định về mức phạt chậm nộp thuế đã giảm từ 0,05%/ngày xuống mức thấp hơn là 0,03%/ngày để phù hợp với mặt bằng lãi suất ngân hàng (mức phạt chậm nộp đã giảm nhiều so với trước đây), quy định này nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định xử phạt, đồng thời cũng chia sẻ khó khăn với NNT. Theo đó, Luật số 106/2016/QH13 đã quy định: Nếu NNT chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, ngoài việc phải nộp đủ tiền thuế, còn phải trả tiền chậm nộp theo mức bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp. Đối với các khoản nợ tiền thuế phát sinh trước ngày 01/07/2016 mà NNT chưa nộp vào NSNN, kể cả khoản tiền nợ thuế được truy thu qua kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền thì cũng được chuyển sang áp dụng mức tính tiền chậm nộp theo tỷ lệ quy định này từ ngày 01/07/2016.

Bên cạnh đó, Luật cũng bổ sung quy định trường hợp NNT cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn NSNN nhưng chưa được thanh toán nên không nộp kịp thời các khoản thuế dẫn đến nợ thuế thì không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế còn nợ. Tuy nhiên, số tiền chậm nộp thuế mà DN được miễn trừ chỉ giới hạn trong phạm vi không vượt quá số tiền NSNN chưa thanh toán và phát sinh trong thời gian NSNN chưa thanh toán. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế bãi bỏ Khoản 3 Điều 42 quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Ngoài những điểm thay đổi nổi bật nêu trên Luật số 106/2016/QH13 bổ sung quy định đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật Hải quan sẽ không được hoàn thuế giá trị gia tăng. Đồng thời, đối với NNT chấp hành tốt pháp luật thuế, hải quan, Luật thuế sửa đổi, bổ sung lần này cũng đã có quy định thuận lợi về hoàn thuế giá trị gia tăng như: Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với NNT sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; NNT không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật Quản lý thuế...

Như vậy, từ ngày 1/7/2016, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế có những điểm mới được điều chỉnh theo hướng chia sẻ khó khăn với DN trong thực hiện nghĩa vụ thuế theo tinh thần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tính khả thi của Luật./.